



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH**  
**GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**  
**Báo cáo tài chính**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

| MỤC LỤC                                | Trang   |
|----------------------------------------|---------|
| Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 1 - 3   |
| Báo cáo kiểm toán độc lập              | 4 - 5   |
| Báo cáo tài chính                      |         |
| • Bảng cân đối kế toán                 | 6 - 7   |
| • Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 8       |
| • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 9       |
| • Thuyết minh Báo cáo tài chính        | 10 – 29 |

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 17 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/01/2025 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2024 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 28.39540600
- Fax: (84) 28.39540598
- Website: [www.sgd.edu.vn](http://www.sgd.edu.vn)

### Lĩnh vực kinh doanh chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất điện.

Trong các năm gần đây, Ban Quản trị Công ty đã quyết định giảm quy mô hoạt động trong ngành nghề truyền thống là trực tiếp kinh doanh sách. Thay vào đó, Công ty tăng cường tìm kiếm cơ hội đầu tư tài chính bằng cách mua cổ phần/vốn góp của các doanh nghiệp khác; Trong đó, ưu tiên đầu tư vốn vào các công ty kinh doanh sách, giáo dục và năng lượng điện.

### Nhân sự

Tổng số nhân viên đến cuối niên độ kế toán là 8 người. Trong đó nhân viên quản lý là 1 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong niên độ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                       |          |                              |
|-----------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh  | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 28/03/2024 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 28/03/2024 |

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

|                            |         |                              |
|----------------------------|---------|------------------------------|
| • Bà Lâm Quỳnh Hương       | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/03/2024 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh     | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/03/2024 |
| • Bà Vương Thị Thanh Huyền | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/03/2024     |
| • Ông Ngô Anh Phương       | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019     |
|                            |         | Miễn nhiệm ngày 28/03/2024   |

### **Ban Kiểm soát**

|                          |            |                              |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 23/03/2024 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 28/03/2024 |
| • Bà Nguyễn Thị Mai      | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 28/03/2024     |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo  | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
|                          |            | Miễn nhiệm ngày 28/03/2024   |

### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

|                        |                   |                          |
|------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đào Thị Thanh Ban | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 04/05/2023 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Ngô Trọng Vinh**

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 459/2025/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 25/03/2025 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2024 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

**Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**Lê Quý An – Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5185-2021-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2024 VND        | 01/01/2024 VND        |
|----------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>7.115.418.147</b>  | <b>8.595.212.984</b>  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>493.323.812</b>    | <b>475.431.721</b>    |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 493.323.812           | 475.431.721           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |             | <b>1.213.195.916</b>  | <b>1.162.605.733</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                    | 121        | 6.a         | 2.342.446.821         | 2.342.446.821         |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh  | 122        | 6.a         | (1.129.250.905)       | (1.179.841.088)       |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>3.684.756.036</b>  | <b>3.436.873.250</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 7           | 1.778.856.783         | 1.825.330.427         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 8           | 62.307.700            | 62.307.700            |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 135        | 9           | 3.000.000.000         | 2.450.000.000         |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 10          | 504.741.568           | 498.998.655           |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 11          | (1.661.150.015)       | (1.399.763.532)       |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>12</b>   | <b>1.244.614.844</b>  | <b>3.081.614.608</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 3.193.684.430         | 3.482.152.992         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | (1.949.069.586)       | (400.538.384)         |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>479.527.539</b>    | <b>438.687.672</b>    |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |             | 21.492.335            | -                     |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 17          | 458.035.204           | 438.687.672           |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>39.760.440.648</b> | <b>39.918.309.908</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | -                     | -                     |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>8.584.231.614</b>  | <b>8.740.100.874</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 13          | 2.116.074.742         | 2.271.944.002         |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 4.834.809.472         | 4.834.809.472         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (2.718.734.730)       | (2.562.865.470)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 14          | 6.468.156.872         | 6.468.156.872         |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 6.468.156.872         | 6.468.156.872         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              | <b>230</b> |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |             | -                     | -                     |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> | <b>6.b</b>  | <b>31.172.875.700</b> | <b>31.172.875.700</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                    | 251        |             | 26.172.875.700        | 26.172.875.700        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        |             | 5.000.000.000         | 5.000.000.000         |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>3.333.334</b>      | <b>5.333.334</b>      |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        |             | 3.333.334             | 5.333.334             |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 262        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |             | <b>46.875.858.795</b> | <b>48.513.522.892</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2024**

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2024<br>VND     | 01/01/2024<br>VND     |
|------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b> |             | <b>2.535.192.746</b>  | <b>2.502.613.884</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>2.490.192.746</b>  | <b>2.460.613.884</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 15          | 2.036.951.416         | 1.936.751.826         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        | 16          | 6.825.809             | 6.825.822             |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313        | 17          | 3.000.000             | 133.997.019           |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 115.800.000           | 50.275.438            |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        | 18          | 314.481.000           | 314.481.000           |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 19.a        | 13.134.521            | 18.282.779            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>45.000.000</b>     | <b>42.000.000</b>     |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                  | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Phải trả dài hạn khác                       | 337        | 19.b        | 45.000.000            | 42.000.000            |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>44.340.666.049</b> | <b>46.010.909.008</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>20</b>   | <b>44.340.666.049</b> | <b>46.010.909.008</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        | 20          | 41.370.000.000        | 41.370.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 41.370.000.000        | 41.370.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                        | 412        | 20          | 2.227.438.218         | 2.227.438.218         |
| 3. Cổ phiếu quỹ                                | 415        | 20          | (679.873.904)         | (679.873.904)         |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        | 20          | 851.634.920           | 851.634.920           |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        | 20          | 571.466.815           | 2.241.709.774         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 2.241.709.774         | 2.201.323.873         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | (1.670.242.959)       | 40.385.901            |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>46.875.858.795</b> | <b>48.513.522.892</b> |

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu



**Ngô Trọng Vinh**

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**Đào Thị Thanh Ban**

**Đào Thị Thanh Ban**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU                                          | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024<br>VND | Năm 2023<br>VND |
|---------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ          | 01    | 21          | 793.947.620     | 2.664.631.330   |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                   | 02    |             | -               | 8.187.510       |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ | 10    |             | 793.947.620     | 2.656.443.820   |
| 4. Giá vốn hàng bán                               | 11    | 22          | 2.181.059.351   | 2.558.672.612   |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ   | 20    |             | (1.387.111.731) | 97.771.208      |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                  | 21    | 23          | 1.442.696.999   | 1.275.573.720   |
| 7. Chi phí tài chính                              | 22    | 24          | (50.590.183)    | (24.382.483)    |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                         | 23    |             | -               | -               |
| 8. Chi phí bán hàng                               | 25    | 25.a        | 552.012.023     | 292.972.578     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                   | 26    | 25.b        | 1.022.199.061   | 1.224.306.222   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh       | 30    |             | (1.468.035.633) | (119.551.389)   |
| 11. Thu nhập khác                                 | 31    |             | -               | 164.608.515     |
| 12. Chi phí khác                                  | 32    | 26          | 202.207.326     | 4.671.225       |
| 13. Lợi nhuận khác                                | 40    |             | (202.207.326)   | 159.937.290     |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế             | 50    |             | (1.670.242.959) | 40.385.901      |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                   | 51    | 27          | -               | -               |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                    | 52    |             | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN                       | 60    |             | (1.670.242.959) | 40.385.901      |

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu



**Ngô Trọng Vinh**

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**Đào Thị Thanh Ban**

**Đào Thị Thanh Ban**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU                                                                                         | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024<br>VND | Năm 2023<br>VND |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                |       |             |                 |                 |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          | 01    |             | (1.670.242.959) | 40.385.901      |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |       |             |                 |                 |
| - Khấu hao Tài sản cố định                                                                       | 02    | 14          | 155.869.260     | 191.792.744     |
| - Các khoản dự phòng                                                                             | 03    |             | 1.759.327.502   | 186.539.113     |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    | 05    | 23          | (1.442.696.999) | (1.428.420.121) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 | 08    |             | (1.197.743.196) | (1.009.702.363) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09    |             | 7.101.823       | 1.407.614.580   |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10    | 12          | 288.468.562     | 509.455.470     |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    |             | 32.578.862      | (1.932.650.187) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12    |             | 2.000.000       | (5.158.677)     |
| - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh                                                               | 13    |             | -               | (131.250.000)   |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15    |             | -               | (568.705.174)   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                                    | 20    |             | (867.593.949)   | (1.730.396.351) |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                   |       |             |                 |                 |
| 1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ                                                         | 22    |             | -               | 592.909.091     |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                          | 23    |             | (5.150.000.000) | (1.350.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác                                       | 24    |             | 4.600.000.000   | 2.900.000.000   |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                           | 27    | 10,23       | 1.435.486.040   | 1.368.103.720   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                        | 30    |             | 885.486.040     | 3.511.012.811   |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                               |       |             |                 |                 |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                                                            | 33    |             | -               | -               |
| 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                       | 36    |             | -               | (4.042.762.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                                     | 40    |             | -               | (4.042.762.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                                                                   | 50    |             | 17.892.091      | (2.262.146.040) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                                                  | 60    | 5           | 475.431.721     | 2.737.577.761   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                          | 61    |             | -               | -               |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                                                 | 70    | 5           | 493.323.812     | 475.431.721     |

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu







Ngô Trọng Vinh

Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 17 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/01/2025 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất điện;

#### 1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 2 công ty con và 2 công ty liên kết:

- Các công ty con
  - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long  
Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long  
Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.  
Tỷ lệ sở hữu: 80,99%
  - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai  
Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.  
Tỷ lệ sở hữu: 55,99%
- Các công ty liên kết:
  - ✓ Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam  
Địa chỉ: Nhà D tầng 2, khu văn phòng Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội  
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện.  
Tỷ lệ sở hữu: 25%

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Công ty CP Đầu tư Giáo dục Lê Thanh. Đây là doanh nghiệp do Công ty con (Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long) sở hữu 49% vốn góp.  
Địa chỉ: Lầu 1, số 64 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.  
Ngành nghề kinh doanh chính: Giáo dục mầm non.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các công ty con. Theo các quy định hiện hành, cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo cần đọc Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

##### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### ***Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

### ***Dự phòng***

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

## **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u>            | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc         | 6 - 25                          |
| Máy móc, thiết bị              | 3                               |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | Hết khấu hao                    |

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có quyền sử dụng đất hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty là chi phí trả trước khác. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

**4.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

**4.13 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

**4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

**4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

**4.16 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản đầu tư tài chính và phải thu khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
  - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
  - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### 4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | 31/12/2024         | 01/01/2024         |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền mặt                        | 5.104.844          | 4.422.350          |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 488.218.968        | 471.009.371        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>493.323.812</b> | <b>475.431.721</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

|                                                | 31/12/2024           |                      |                      | 01/01/2024           |                      |                      |
|------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|                                                | Giá gốc              | Giá trị hợp lý       | Dự phòng             | Giá gốc              | Giá trị hợp lý       | Dự phòng             |
| - Chứng khoán kinh doanh                       | 2.342.446.821        | 1.213.209.339        | 1.129.250.905        | 2.342.446.821        | 1.162.635.156        | 1.179.841.088        |
| + Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)           | 95.577               | 109.000              | -                    | 95.578               | 125.000              | -                    |
| + Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)                   | 36.365.340           | 8.768.267            | 27.597.073           | 36.365.340           | 7.800.000            | 28.565.340           |
| + Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)       | 992.861.234          | 402.960.000          | 589.901.234          | 992.861.234          | 420.480.000          | 572.381.234          |
| + Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)                | 516.670              | 516.670              | -                    | 516.670              | 516.670              | -                    |
| + Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC) | 1.312.608.000        | 800.855.402          | 511.752.598          | 1.312.608.000        | 733.713.486          | 578.894.514          |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>2.342.446.821</b> | <b>1.213.209.339</b> | <b>1.129.250.905</b> | <b>2.342.446.821</b> | <b>1.162.635.156</b> | <b>1.179.841.088</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

|                                             |                     | 31/12/2024 |                        |                   |                |          | 01/01/2024 |                        |                |          |  |
|---------------------------------------------|---------------------|------------|------------------------|-------------------|----------------|----------|------------|------------------------|----------------|----------|--|
|                                             | Tình hình hoạt động | Tỷ lệ vốn  | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc        | Dự phòng | Tỷ lệ vốn  | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá gốc        | Dự phòng |  |
| Đầu tư vào Công ty con                      |                     |            |                        |                   | 26.172.875.700 | -        |            |                        | 26.172.875.700 | -        |  |
| - Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai          | Đang hoạt động      | 55,99%     | 55,99%                 | 925.300           | 11.445.035.700 | -        | 55,99%     | 55,99%                 | 11.445.035.700 | -        |  |
| - Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long (*) | Đang hoạt động      | 80,99%     | 80,99%                 | 1.487.060         | 14.727.840.000 | -        | 80,99%     | 80,99%                 | 14.727.840.000 | -        |  |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết     |                     |            |                        |                   | 5.000.000.000  | -        |            |                        | 5.000.000.000  | -        |  |
| - Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam  | Đang hoạt động      | 25%        | 25%                    | 500.000           | 5.000.000.000  | -        | 25%        | 25%                    | 5.000.000.000  | -        |  |
| Cộng                                        |                     |            |                        |                   | 31.172.875.700 | -        |            |                        | 31.172.875.700 | -        |  |

(\*) Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh long thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Quyết định số 11/QĐ.ĐHĐCĐ.2024 ngày 10/04/2024, tỷ lệ chia cổ tức là 8%. Theo đó, Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh nhận thêm số cổ phiếu là 110.153 cổ phiếu.

Cổ phiếu của các Công ty nhận đầu tư đều chưa được niêm yết và Công ty cũng không có được dữ liệu đáng tin cậy nào về thị giá của các khoản đầu tư nêu trên. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Báo cáo tài chính năm 2024 cho thấy các Công ty nhận đầu tư này không có lỗ lũy kế nên Công ty không trích lập dự phòng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                                 | 31/12/2024           | 01/01/2024           |
|-------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Thiết bị & Đo đạc Chu Lê           | 551.406.522          | 551.406.522          |
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Đắk Nông | 390.236.848          | 390.236.848          |
| Văn Phòng Phẩm Phương Vy                        | 278.439.980          | 278.439.980          |
| Các đối tượng khác                              | 558.773.433          | 605.247.077          |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>1.778.856.783</b> | <b>1.825.330.427</b> |

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                                          | 31/12/2024        | 01/01/2024        |
|----------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Phương Đông               | 36.511.182        | 36.511.182        |
| Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP Hồ Chí Minh (bên liên quan) | 17.719.518        | 17.719.518        |
| Các đối tượng khác                                       | 8.077.000         | 8.077.000         |
| <b>Cộng</b>                                              | <b>62.307.700</b> | <b>62.307.700</b> |

### 9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

|                                                           | 31/12/2024           | 01/01/2024           |
|-----------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Bà Lê Thị Tuyết Nhung (bên liên quan) (*)                 | 1.600.000.000        | -                    |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (bên liên quan) (**) | 1.400.000.000        | -                    |
| Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan)                     | -                    | 2.450.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>3.000.000.000</b> | <b>2.450.000.000</b> |

(\*) Cho Bà Lê Thị Tuyết Nhung vay theo hợp đồng vay vốn số 05/SGD-LTTN/2024/HĐVV ngày 14/11/2024. Số tiền vay: 1.600.000.000 đồng. Thời hạn vay: 3 tháng. Lãi suất vay: 3,5%/năm. Khoản nợ này đã được thu hồi ngày .../3/2025.

(\*\*) Cho Công ty CP Sách – Thiết bị Vĩnh Long vay theo hợp đồng vay vốn số 03/SGD- ngày 04/07/2024. Số tiền vay: 2.100.000.000 đồng. Thời hạn vay: 6 tháng. Lãi suất vay: 6,5%/năm.

### 10. Phải thu ngắn hạn khác

|                                         | 31/12/2024         |          | 01/01/2024         |          |
|-----------------------------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
|                                         | Giá trị            | Dự phòng | Giá trị            | Dự phòng |
| Cổ tức phải thu                         | 462.650.000        | -        | 462.650.000        | -        |
| - Công ty CP Sách và TBTH               | 462.650.000        | -        | 462.650.000        | -        |
| Đồng Nai (bên liên quan)                |                    |          |                    |          |
| Tạm ứng                                 | 26.000.000         | -        | 33.179.215         | -        |
| Lãi dự thu                              | 7.210.959          | -        | -                  | -        |
| - Bà Lê Thị Tuyết Nhung (bên liên quan) | 7.210.959          | -        | -                  | -        |
| Phải thu khác                           | 8.880.609          | -        | 3.169.440          | -        |
| <b>Cộng</b>                             | <b>504.741.568</b> | <b>-</b> | <b>498.998.655</b> | <b>-</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

|                                                             | Năm 2024             | Năm 2023             |
|-------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đầu năm                  | 1.399.763.532        | 1.474.700.082        |
| Trích lập trong năm                                         | 261.386.483          | -                    |
| Hoàn nhập dự phòng                                          | -                    | 74.936.550           |
| <b>Số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn cuối năm</b> | <b>1.661.150.015</b> | <b>1.399.763.532</b> |

**12. Hàng tồn kho**

|                        | 31/12/2024           |                      | 01/01/2024           |                    |
|------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
|                        | Giá gốc              | Dự phòng             | Giá gốc              | Dự phòng           |
| Nguyên liệu, vật liệu  | 22.484.364           | -                    | 22.484.364           | -                  |
| Chi phí SX, KD dở dang | -                    | -                    | 190.533.118          | -                  |
| Thành phẩm             | 1.749.732.206        | 1.056.681.405        | 1.782.526.678        | 196.838.646        |
| Hàng hóa               | 1.421.467.860        | 892.388.181          | 1.486.608.832        | 203.699.738        |
| <b>Cộng</b>            | <b>3.193.684.430</b> | <b>1.949.069.586</b> | <b>3.482.152.992</b> | <b>400.538.384</b> |

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024 là 1.949.069.586 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2024.

**13. Tài sản cố định hữu hình**

|                        | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị   | P.tiện vận tải truyền dẫn | Cộng                 |
|------------------------|------------------------|--------------------|---------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                        |                    |                           |                      |
| Số đầu năm             | 3.531.966.825          | 258.654.620        | 1.044.188.027             | 4.834.809.472        |
| Mua sắm trong năm      | -                      | -                  | -                         | -                    |
| T/lý, nhượng bán       | -                      | -                  | -                         | -                    |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>3.531.966.825</b>   | <b>258.654.620</b> | <b>1.044.188.027</b>      | <b>4.834.809.472</b> |
| <b>Khấu hao</b>        |                        |                    |                           |                      |
| Số đầu năm             | 1.370.025.030          | 148.652.413        | 1.044.188.027             | 2.562.865.470        |
| Khấu hao trong năm     | 127.173.276            | 28.695.984         | -                         | 155.869.260          |
| Giảm trong năm         | -                      | -                  | -                         | -                    |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>1.497.198.306</b>   | <b>177.348.397</b> | <b>1.044.188.027</b>      | <b>2.718.734.730</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                        |                    |                           |                      |
| Số đầu năm             | 2.161.941.795          | 110.002.207        | -                         | 2.271.944.002        |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>2.034.768.519</b>   | <b>81.306.223</b>  | <b>-</b>                  | <b>2.116.074.742</b> |

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 1.454.605.684 đồng.
- Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay tại ngày 31/12/2024.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với Nguyên giá 6.468.156.872 đồng và diện tích 151,2 m<sup>2</sup>.

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                                                                | 31/12/2024           | 01/01/2024           |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM | 674.109.743          | 674.109.743          |
| Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục                                        | 477.435.915          | 477.435.915          |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc                                  | 103.930.000          | 198.407.200          |
| Các đối tượng khác                                                             | 781.475.758          | 586.798.968          |
| <b>Cộng</b>                                                                    | <b>2.036.951.416</b> | <b>1.936.751.826</b> |

*Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan*

| Công ty liên quan                       | 31/12/2024        | 01/01/2024 |
|-----------------------------------------|-------------------|------------|
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội | 98.406.960        | -          |
| <b>Cộng</b>                             | <b>98.406.960</b> | <b>-</b>   |

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                                    | 31/12/2024       | 01/01/2024       |
|----------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục An Phú Hưng         | 3.000.000        | 3.000.000        |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thái Bình Lâm Đồng | 2.938.950        | 2.938.950        |
| Nhà Sách Nghiệp (Bến Tre)                          | 184.782          | 184.782          |
| Các đối tượng khác                                 | 702.077          | 702.090          |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>6.825.809</b> | <b>6.825.822</b> |

### 17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

|                       | Đầu năm            |                    | Số phải nộp trong năm | Số thực nộp trong năm | Cuối năm           |                  |
|-----------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|------------------|
|                       | Phải thu           | Phải trả           |                       |                       | Phải thu           | Phải trả         |
| Thuê GTGT             | 104.040.296        | -                  | -                     | -                     | 104.040.296        | -                |
| Thuế thu nhập cá nhân | -                  | 133.997.019        | 19.305.999            | 172.650.550           | 19.347.532         | -                |
| Thuế TNDN             | 334.647.376        | -                  | -                     | -                     | 334.647.376        | -                |
| Thuế môn bài          | -                  | -                  | 3.000.000             | -                     | -                  | 3.000.000        |
| <b>Cộng</b>           | <b>438.687.672</b> | <b>133.997.019</b> | <b>22.305.999</b>     | <b>172.650.550</b>    | <b>458.035.204</b> | <b>3.000.000</b> |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                            | 31/12/2024         | 01/01/2024         |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí bản thảo, biên tập | 249.481.000        | 249.481.000        |
| Chi phí khác               | 65.000.000         | 65.000.000         |
| <b>Cộng</b>                | <b>314.481.000</b> | <b>314.481.000</b> |

### 19. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

|                                | 31/12/2024        | 01/01/2024        |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Bảo hiểm và kinh phí công đoàn | 787.640           | 3.765.091         |
| Cổ tức phải trả                | 5.828.500         | 5.828.500         |
| Phải trả khác                  | 6.518.381         | 8.689.188         |
| <b>Cộng</b>                    | <b>13.134.521</b> | <b>18.282.779</b> |

#### b. Dài hạn

|                              | 31/12/2024        | 01/01/2024        |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 45.000.000        | 42.000.000        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>45.000.000</b> | <b>42.000.000</b> |

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                             | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ         | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|-----------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|
| Số dư tại 01/01/2023        | 41.370.000.000         | 2.227.438.218        | (679.873.904)        | 4.894.634.920         | 2.201.323.873                     |
| Tăng trong năm              | -                      | -                    | -                    | -                     | 40.385.901                        |
| Giảm trong năm              | -                      | -                    | -                    | 4.043.000.000         | -                                 |
| <b>Số dư tại 31/12/2023</b> | <b>41.370.000.000</b>  | <b>2.227.438.218</b> | <b>(679.873.904)</b> | <b>851.634.920</b>    | <b>2.241.709.774</b>              |
| Số dư tại 01/01/2024        | 41.370.000.000         | 2.227.438.218        | (679.873.904)        | 851.634.920           | 2.241.709.774                     |
| Tăng trong năm              | -                      | -                    | -                    | -                     | (1.670.242.959)                   |
| Giảm trong năm              | -                      | -                    | -                    | -                     | -                                 |
| <b>Số dư tại 31/12/2024</b> | <b>41.370.000.000</b>  | <b>2.227.438.218</b> | <b>(679.873.904)</b> | <b>851.634.920</b>    | <b>571.466.815</b>                |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Cổ phiếu

|                                               | 31/12/2024<br>Cổ phiếu | 01/01/2024<br>Cổ phiếu |
|-----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành           | 4.137.000              | 4.137.000              |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng        | 4.137.000              | 4.137.000              |
| - Cổ phiếu phổ thông                          | 4.137.000              | 4.137.000              |
| - Cổ phiếu ưu đãi                             | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 94.000                 | 94.000                 |
| - Cổ phiếu phổ thông                          | 94.000                 | 94.000                 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                             | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành               | 4.043.000              | 4.043.000              |
| - Cổ phiếu phổ thông                          | 4.043.000              | 4.043.000              |
| - Cổ phiếu ưu đãi                             | -                      | -                      |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND   |                        |                        |

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

|                                                   | Năm 2024           | Năm 2023             |
|---------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Lợi nhuận năm trước chuyển sang                   | 2.241.709.774      | 2.201.323.873        |
| Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp          | (1.670.242.959)    | 40.385.901           |
| Phân phối lợi nhuận                               | -                  | -                    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b> | <b>571.466.815</b> | <b>2.241.709.774</b> |

### 21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                                          | Năm 2024           | Năm 2023             |
|------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo | 713.795.734        | 2.623.901.687        |
| Doanh thu khác                           | 80.151.886         | 40.729.643           |
| <b>Cộng</b>                              | <b>793.947.620</b> | <b>2.664.631.330</b> |

### 22. Giá vốn hàng bán

|                                          | Năm 2024             | Năm 2023             |
|------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo   | 603.832.164          | 2.244.118.480        |
| Giá vốn hoạt động khác                   | 28.695.985           | 28.695.986           |
| Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1.548.531.202        | 285.858.146          |
| <b>Cộng</b>                              | <b>2.181.059.351</b> | <b>2.558.672.612</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 23. Doanh thu hoạt động tài chính

|                             | Năm 2024             | Năm 2023             |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, cho vay       | 174.323.999          | 290.415.220          |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.268.373.000        | 985.158.500          |
| <b>Cộng</b>                 | <b>1.442.696.999</b> | <b>1.275.573.720</b> |

### 24. Chi phí tài chính

|                                                          | Năm 2024            | Năm 2023            |
|----------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính | (50.590.183)        | (24.382.483)        |
| <b>Cộng</b>                                              | <b>(50.590.183)</b> | <b>(24.382.483)</b> |

### 25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng

|                                          | Năm 2024           | Năm 2023           |
|------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền lương và các khoản trích theo lương | 550.625.994        | 233.376.643        |
| Chi phí vận chuyển, bốc xếp              | -                  | 60.232.780         |
| Chi phí phát triển thị trường            | -                  | (11.723.019)       |
| Các khoản khác                           | 1.386.029          | 11.086.174         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>552.012.023</b> | <b>292.972.578</b> |

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                                    | Năm 2024             | Năm 2023             |
|----------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương và các khoản trích theo lương           | 218.204.010          | 900.613.315          |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi | 261.386.483          | (74.936.550)         |
| Các khoản khác                                     | 542.608.568          | 398.629.457          |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>1.022.199.061</b> | <b>1.224.306.222</b> |

### 26. Chi phí khác

|                                        | Năm 2024           | Năm 2023         |
|----------------------------------------|--------------------|------------------|
| Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế | 8.159.800          | 4.671.225        |
| Các khoản khác                         | 194.047.526        | -                |
| <b>Cộng</b>                            | <b>202.207.326</b> | <b>4.671.225</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

|                                                                                                             | Năm 2024        | Năm 2023      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                           | (1.670.242.959) | 40.385.901    |
| Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế                                                                     | (1.058.171.859) | (978.161.481) |
| - Điều chỉnh tăng                                                                                           | 275.201.141     | 71.997.019    |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ                                                                              | 202.041.341     | 2.325.794     |
| + Các khoản trích trước vào chi phí năm nay theo chế độ kế toán nhưng chưa được đưa vào chi phí tính thuế   | 65.000.000      | 65.000.000    |
| + Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế                                                                    | 8.159.800       | 4.671.225     |
| - Điều chỉnh giảm                                                                                           | 1.333.373.000   | 1.050.158.500 |
| + Cổ tức lợi nhuận được chia                                                                                | 1.268.373.000   | 985.158.500   |
| + Các khoản trích trước vào chi phí năm trước theo chế độ kế toán nhưng chưa được đưa vào chi phí tính thuế | 65.000.000      | 65.000.000    |
| Tổng thu nhập tính thuế                                                                                     | (2.728.414.818) | (937.775.580) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                                                | -               | -             |

**28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm 2024      | Năm 2023      |
|----------------------------------|---------------|---------------|
| Chi phí nhân công                | 768.830.004   | 1.133.989.958 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 155.869.260   | 191.792.744   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | -             | 52.158.089    |
| Chi phí khác bằng tiền           | 416.821.323   | 242.970.545   |
| Cộng                             | 1.341.520.587 | 1.620.911.336 |

**29. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

**30. Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

động lớn về giá và lãi suất.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các đại lý, Sở giáo dục, trường học và một số Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học và các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

| 31/12/2024         | Không quá 1 năm      | Trên 1 năm        | Tổng                 |
|--------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| Phải trả người bán | 2.036.951.416        | -                 | 2.036.951.416        |
| Chi phí phải trả   | 314.481.000          | -                 | 314.481.000          |
| Phải trả khác      | 12.346.881           | 45.000.000        | 57.346.881           |
| <b>Cộng</b>        | <b>2.363.779.297</b> | <b>45.000.000</b> | <b>2.408.779.297</b> |
| 01/01/2024         | Không quá 1 năm      | Trên 1 năm        | Tổng                 |
| Phải trả người bán | 1.936.751.826        | -                 | 1.936.751.826        |
| Chi phí phải trả   | 314.481.000          | -                 | 314.481.000          |
| Phải trả khác      | 14.517.688           | 42.000.000        | 56.517.688           |
| <b>Cộng</b>        | <b>2.265.750.514</b> | <b>42.000.000</b> | <b>2.307.750.514</b> |

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

sau:

| 31/12/2024                         | Không quá 1 năm      | Trên 1 năm | Tổng                 |
|------------------------------------|----------------------|------------|----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 493.323.812          | -          | 493.323.812          |
| Đầu tư tài chính                   | 1.213.195.916        | -          | 1.213.195.916        |
| Phải thu khách hàng                | 117.706.768          | -          | 117.706.768          |
| Phải thu về cho vay                | 3.000.000.000        | -          | 3.000.000.000        |
| Phải thu khác                      | 478.741.568          | -          | 478.741.568          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>5.302.968.064</b> | <b>-</b>   | <b>5.302.968.064</b> |

| 01/01/2024                         | Không quá 1 năm      | Trên 1 năm | Tổng                 |
|------------------------------------|----------------------|------------|----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 475.431.721          | -          | 475.431.721          |
| Đầu tư tài chính                   | 1.162.605.733        | -          | 1.162.605.733        |
| Phải thu khách hàng                | 425.566.895          | -          | 425.566.895          |
| Phải thu về cho vay                | 2.450.000.000        | -          | 2.450.000.000        |
| Phải thu khác                      | 465.819.440          | -          | 465.819.440          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>4.979.423.789</b> | <b>-</b>   | <b>4.979.423.789</b> |

### 31. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

|                                                                                                 | Mối quan hệ                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam<br>(sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục") | Công ty đầu tư                       |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh                                                       | Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai                                                 | Công ty con                          |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long                                                            | Công ty con                          |
| Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam                                                        | Công ty liên kết                     |
| Bà Lê Thị Tuyết Nhung                                                                           | Vợ Chủ tịch HĐQT                     |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính

| Công ty liên quan                               | Năm 2024      | Năm 2023      |
|-------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Đồng Nai |               |               |
| - Bán hàng                                      | 3.083.800     | 12.724.160    |
| - Cổ tức                                        | 740.250.000   | 462.650.000   |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội          |               |               |
| - Mua hàng                                      | 198.406.960   | 164.862.500   |
| - Cổ tức được nhận                              | 8.000         | 8.500         |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long            |               |               |
| - Lãi cho vay                                   | 73.156.167    | -             |
| - Cho vay                                       | 3.150.000.000 | -             |
| - Thu hồi khoản cho vay                         | 1.750.000.000 | -             |
| Công ty CP Đầu tư CMC                           |               |               |
| - Lãi cho vay                                   | 93.252.876    | 288.143.835   |
| - Cho vay                                       | 400.000.000   | 1.350.000.000 |
| - Thu hồi khoản cho vay                         | 2.850.000.000 | 2.900.000.000 |
| Bà Lê Thị Tuyết Nhung                           |               |               |
| - Cho vay                                       | 1.600.000.000 | -             |
| - Lãi cho vay                                   | 7.210.959     | -             |
| Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam        |               |               |
| - Cổ tức được nhận                              | 500.000.000   | 500.000.000   |

### c. Thù lao, lương thưởng của cấp quản lý chủ chốt

|                | Chức vụ           | Nội dung      | Năm 2024    | Năm 2023    |
|----------------|-------------------|---------------|-------------|-------------|
| Ngô Trọng Vinh | Phó Tổng Giám đốc | Lương, thưởng | 101.904.000 | 290.976.700 |

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 28/03/2024 đã phê duyệt kế hoạch chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2024 là 7% lợi nhuận sau thuế nhưng không thấp hơn 200 triệu đồng. Do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 thấp, HĐQT công ty đã có Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 17/03/2025 về việc không trích và chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát và sẽ xin phê duyệt tại Đại hội cổ đông sắp đến.

### 32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Ngô Trọng Vinh

Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025